

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2021/HS-PT

Ngày: 30/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đình T**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Bích Ng**

Bà Vũ Thị Thu T2

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ng H- Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị D- Kiểm sát viên.

Ngày 30/03/2021 tại trụ sở Tòa án, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 736/2020/TLPT – HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn N do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của Công ty TNHH K.

Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2020/HS-ST ngày 26 tháng 05 N 2020 của Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố HN.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 767/2020/QĐXXPT-HS ngày 15 tháng 10 N 2020 đối với bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo: Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; Giới tính: Nam

Nơi ĐKKHKT: Đội 06 thôn TB, xã Hợp Hòa, huyện SD, tỉnh TQ (hiện trú tại: Tổ 01 Thị trấn QM, huyện ML, thành phố HN).

Nghề nghiệp: Công nhân, văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và con bà Bùi Thị Th1; vợ: Phạm Thị M; con: 02 con (lớn sinh năm 2013 và nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: không có thông tin, tài liệu gì trong hồ sơ. Bị cáo tại ngoại.

Bị hại: Công ty TNHH K

Trụ sở: Thôn DT, xã TD, huyện SS, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị M, sinh N 1985; chức vụ: Giám đốc Công ty.

Luật sư Nguyễn Thị L và luật sư Mai Quỳnh Th2 – Văn phòng Luật sư

TH– Đoàn luật sư Thành phố HN – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

Người có quyền lợi Ng vụ liên quan:

1./ Chị Phạm Thị M, sinh năm 1987

Trú tại: Tổ 01 Thị trấn QM, huyện ML, thành phố HN. Có mặt

2./ Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ 01 Thị trấn QM, huyện ML, thành phố HN. Vắng mặt

3./ Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn MX, xã VM, huyện YP, tỉnh BN. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 11/11/2019, chị Nguyễn Thị M – Giám đốc Công ty TNHH K nhận được điện thoại của anh Nguyễn Tiến Dũng báo phát hiện trong tủ của Nguyễn Văn N tại Công ty có giấu 12 thỏi kẽm vớ mà N trộm cắp của Công ty. Chị Mai làm đơn trình báo Công an huyện SS đến giải quyết. Chị đề nghị điều tra làm rõ đối tượng trộm cắp tài sản của Công ty.

Quá trình điều tra làm rõ: N làm công nhân của Công ty TNHH K từ tháng 3/2019, do hàng ngày N tiếp xúc với nguyên vật liệu của Công ty mua về là thanh kẽm và biết được quy trình quản lý của Công ty lỏng lẻo, lợi dụng sơ hở, ngày 23/10/2019 N đã nảy sinh ý định trộm cắp (Thỏi kẽm) để đem bán lấy tiền. Khoảng 6 giờ sáng N điều khiển xe máy đến Công ty đi vào thẳng trong xưởng. Vì bảo vệ không bắt để xe ở ngoài cổng, thấy không có ai, N lấy trộm 2 thỏi kẽm cho vào cốp xe rồi đi ra ngoài Công ty, đi đến thẳng nhà chị Phương ở gần nhà trọ của N bán cho chị phương được 1.150.000 đồng, rồi quay lại Công ty làm việc. Tiếp các ngày sau vẫn bằng thủ đoạn như trên mỗi ngày N lấy trộm 02 thỏi kẽm của Công ty đến ngày 09/11/2019 N lấy được 24 thỏi kẽm. N đều bán cho chị Phương với giá 37.000/kg được 13.057.300 đồng. N sử dụng còn lại 08 triệu nộp cho Cơ quan Điều tra. Sau khi mua được số thanh kẽm trên của N, chiều 9/11/2019 chị Phương thuê 01 xe tải 1,4 tấn của một người không quen biết trở 24 thỏi kẽm đến nhà chị Ng bán cho chị Ng với giá $48000/\text{kg} \times 325.9 \text{ kg} = 16.940.000$ đồng.

Ngoài số kẽm trên đã bán cho chị Phương thì ngày 5/11/2019 N trộm được 02 thỏi kẽm, khi đem về bán cho chị Phương thì do quán chị Phương không mở cửa nên N đem về phòng trọ cất giấu trong gầm giường và ngày 7/11/2019 N tiếp tục trộm cắp thêm 12 đoạn thỏi kẽm vớ nữa. N đem cất vào tủ cá nhân của mình tại Công ty, chưa kịp đem bán thì đến ngày 11/11/2019 thì bị phát hiện bắt giữ. Vậy tổng số thỏi kẽm mà N trộm của Công ty TNHH K đến ngày 7/11/2019 là 26 thỏi

kẽm mới có khối lượng là $384,9\text{kg} \times 60.500 \text{ đồng/kg} = 23.286.450 \text{ đồng}$ và 51kg (của 12 đoạn thỏi kẽm vỡ) $\times 60.500\text{đồng/kg} = 3.085.500 \text{ đồng}$.

Tại kết luận định giá tài sản số 366/KLHD ngày 23/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện SS kết luận $435,9 \text{ kg thỏi kẽm} \times 60.500\text{đ/kg} = 26.371.950 \text{ đồng}$.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 10/11/2019 chị Phạm Thị M (vợ của N) đã bồi thường cho chị Mai – Giám đốc Công ty TNHH K số tiền 240.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy nhận tiền và ký tên. Tuy nhiên sau đó N và vợ xác định N chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH K trị giá số tiền là 26.500.000 đồng bao gồm cả số tiền 8.000.000 đồng N đã nộp tại Cơ quan Điều tra và đề nghị chị Mai trả lại cho vợ chồng N số tiền 213.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 16 tháng 3 N 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện SS quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2020/HS-ST ngày 26 tháng 05 N 2020 của Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố HN đã xử bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Công ty TNHH K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa:

Bị cáo N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thừa nhận các hành vi phạm tội do mình thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử, không thắc mắc kêu oan chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Công ty TNHH K là bà Mai vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Việc điều tra của cấp sơ thẩm đã thiếu người tham gia vụ án đó là những người đã tiêu thụ, vận chuyển tài sản trộm cắp của bị cáo cần được xem xét xử lý trước pháp luật. Bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản của công ty nhưng chưa được làm rõ, phía công ty K đã nộp tài liệu là chiếc USB có chứa Clip ghi lại việc bị cáo khi bị bảo vệ công ty phát hiện bắt giữ đã hành hung để tẩu thoát nhưng cơ quan điều tra đã không đưa vào hồ sơ. Sau khi xét xử sơ thẩm công ty đã nộp bằng chứng này kèm theo đơn kháng cáo. Việc chị M là vợ bị cáo đã thỏa thuận với chị Mai giám đốc công ty là thỏa thuận tự nguyện nên không thể buộc chị Mai trả lại cho chị M như án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH K trình bày quan điểm: mức án Tòa án sơ thẩm đã tuyên là quá nhẹ không tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội. Cấp sơ thẩm đã bỏ quan nhiều tài liệu liên quan đến vụ án. Nguyễn Văn N có hành vi đánh lại bảo vệ công ty khi bị bắt đã được camera ghi

lại, trong kháng cáo chị Mai đã bổ sung tài liệu về việc này. Bỏ lọt những người tiêu thụ tài sản phạm tội mà có đó là của chị Phương người nhiều lần mua tài sản bị cáo trộm cắp. Bị cáo không thực sự thành khẩn về các lần trộm cắp nên không được hưởng tình tiết giảm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Chiếc xe máy bị cáo sử dụng phạm tội cần tịch thu xung công. Tòa sơ thẩm buộc chị Mai trả lại số tiền cho chị Mão là không đúng thỏa thuận tự nguyện của hai bên. Chị Mai khai đã nộp USB cho cơ quan điều tra nhưng hồ sơ sơ thẩm không thể hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Chị Mão trình bày: chị gặp chị Mai giám đốc công ty đề thỏa thuận việc khắc phục hậu quả nên đã đưa cho chị Mai 240.000.000 đồng để công ty không yêu cầu xử đối với N, nhưng N vẫn bị xét xử nên chị có ý kiến hậu quả đến đâu khắc phục đến đó, chị đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 26.500.000 đồng và chị Mai phải trả lại số tiền 213.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo N và Công ty TNHH K nộp trong thời hạn Luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo và Công ty TNHH K theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai bị cáo tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 là đúng người, đúng tội.

Về hình phạt: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về các vấn đề kháng cáo của công ty K thì các tài liệu trong hồ sơ chỉ có căn cứ xác định bị cáo phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xác định. Về bồi thường đây là việc bồi thường dân sự trong vụ án hình sự nên hậu quả đến đâu bị cáo phải bồi thường đến đấy và Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là đúng. Chiếc USB chị Mai xuất trình, tuy nhiên Viện kiểm sát không đọc được nội dung trên máy tính. Vụ án này cấp sơ thẩm xác định Công ty K là nguyên đơn dân sự là không đúng quy định tại điều 62 Bộ luật Tố tụng Hình sự, mà phải xác định là bị hại trong vụ án. Tuy nhiên khi xét xử sơ thẩm Công ty K đã được tham gia đầy đủ, sau đó có đơn kháng cáo toàn bộ bản án cả phần hình phạt và bồi thường do đó quyền lợi của bị hại cũng được đảm bảo, không cần thiết phải hủy vụ án mà chỉ cần sửa tư cách tham gia tố tụng của Công ty K là bị hại trong vụ án là đủ. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại.

Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N và Công ty TNHH K nộp trong thời hạn Luật định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

Trong vụ án này, Công ty TNHH K tham gia tố tụng với tư cách là bị hại; Tòa án cấp sơ thẩm xác định là nguyên đơn dân sự là không đúng theo quy định điều 62 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuy nhiên xét thấy Công ty TNHH K đã được tham gia đầy đủ tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi xét xử có đơn kháng cáo toàn bộ bản án về cả hình phạt và bồi thường nên xét thấy quyền lợi của bị hại được đảm bảo nên Hội đồng xét xử chỉ cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng trong vụ án là bị hại mà không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung hành vi phạm tội:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/10/2019, Nguyễn Văn N đã lợi dụng sơ hở lén lút trộm cắp tài sản là 26 thỏi kẽm và 51 kg (12 đoạn thỏi kẽm vỡ) có khối lượng 435,9kg là thỏi kẽm mua mới của Công ty TNHH K có giá trị = 26.371.950 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp.

Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần có mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không xuất trình tài liệu chứng cứ gì mới.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi trộm cắp gây thiệt hại cho Công ty TNHH K tổng số tiền 26.371.950 đồng. Đối với những thiệt hại khác theo như ý kiến của Công ty TNHH K nêu thì kết quả điều tra chưa chứng minh được ngoài các hành vi bị truy tố, bị cáo còn hành vi phạm tội nào khác

nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về các hành vi đã được cơ quan điều tra kết luận và Viện kiểm sát truy tố là đúng.

Đối với vấn đề Công ty TNHH K nêu về những người đã giúp sức vận chuyển, tiêu thụ tài sản do N trộm cắp thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra tiếp tục xem xét làm rõ theo thẩm quyền. Tài liệu là chiếc USB Công ty K xuất trình kèm theo đơn kháng cáo tại cấp phúc thẩm để chứng minh bị cáo đánh bảo vệ khi bị phát hiện, do USB không đọc được trên máy tính của Tòa án nên không có căn cứ xác định điều này.

Bởi phân tích trên, xét mức hình phạt Tòa án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tình chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo cũng như kháng cáo của Công ty TNHH K tăng hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Như trên đã nêu ngày 10/11/2019 chị Phạm Thị M (vợ của N) đã giao cho chị Mai - Giám đốc Công ty TNHH K số tiền 240.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy nhận tiền và ký tên. Tuy nhiên sau đó chị M thấy N chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH K trị giá số tiền là 26.500.000 đồng bao gồm cả số tiền 8.000.000 đồng N đã nộp tại Cơ quan Điều tra và đề nghị chị Mai trả lại cho vợ chồng N số tiền 213.500.000 đồng. Chị Mai đại diện Công ty K cho rằng giữa chị Mai và chị M đã thỏa thuận chị M đưa số tiền nêu trên để bồi thường cho các thiệt hại của công ty và là sự thỏa thuận tự nguyện phù hợp Bộ luật Dân sự nên không thể buộc chị Mai phải Hoàn trả lại chị M số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc chị M vợ bị cáo gặp chị Mai để giao số tiền 240.000.000 đồng bản chất là việc bồi thường khắc phục hậu quả vụ án hình sự, điều này chỉ có giá trị xác định Ng vụ bồi thường và là căn cứ các định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không phải thỏa thuận làm phát sinh, thay đổi quyền Ng vụ của các bên theo quy định của Bộ luật Dân sự. Chị M chị tự nguyện bồi thường trong phạm vi thiệt hại số tiền 26.500.000 đồng, do đó khi xác định mức độ thiệt hại xảy ra trong vụ án hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định mức bồi thường và đồng thời buộc chị Mai hoàn trả số tiền còn lại cho chị M là 213.500.000 đồng và trả lại Nguyễn Văn N 8.000.000 đồng đã nộp tại cơ quan điều tra là đúng. Tuy nhiên, khi quyết định, cấp sơ thẩm đã không tuyên rõ ràng trách nhiệm cụ thể số tiền phải bồi thường, số tiền vợ bị cáo đã trao cho chị Mai, đối trừ và buộc chị Mai hoàn trả cho chị M. Nên giữ nguyên quyết định sơ thẩm và sửa cách tuyên cho phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự .

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

I./ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH K.

II./ Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2020/HS-ST ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện SS, thành phố HN, sửa cách tuyên phần dân sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b,s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 47 Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn N **09 (chín)** tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

III./ Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Công ty TNHH K số tiền 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn). Xác nhận gia đình bị cáo là chị Mão đã giao cho chị Mai số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu) số tiền này được đối trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

Số tiền còn lại Buộc chị Nguyễn Thị M – Giám đốc Công ty TNHH K trả lại cho chị Phạm Thị M là 213.500.000 đồng (hai trăm mười ba triệu năm trăm nghìn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

IV./ Về vật chứng: Trả lại Nguyễn Văn N 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) đang tạm giữ tại tài khoản Chi cục thi hành án dân sự huyện SS, thành phố HN theo quyết định chuyển tiền số 06/QĐ-CQCSĐT ngày 17/3/2020.

V./ Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng

nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 30/3/2021.

Nơi nhận:

- TAND huyện SS;
- VKSND thành phố HN;
- VKSND huyện SS;
- Công an huyện SS;
- Chi cục THADS huyện SS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia –
Bộ Tư Pháp
- Lưu HS vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình T